

Nê-hê-mi

Lời cầu nguyện của Nê-hê-mi

¹ Sau đây là lời của Nê-hê-mi, con trai Ha-ca-lio. Vào tháng Kích-lê năm thứ hai mươi*, tôi, Nê-hê-mi, đang ở trong khu vực thuộc thành Su-sơ.
² Một trong những anh em tôi là Ha-na-ni và một số người khác từ xứ Giu-đa trở về. Tôi hỏi thăm họ về thành Giê-ru-sa-lem và những người Do-thái đã thoát khỏi cuộc lưu đày đang sống trong vùng ấy.

³ Họ đáp, “Những người còn sót lại sau cuộc lưu đày đã trở về xứ Giu-đa nhưng họ gặp khó khăn và tủi nhục lắm. Vách thành Giê-ru-sa-lem thì sụp đổ, còn các cổng thành thì bị thiêu rụi.”

⁴ Sau khi nghe tin đó thì tôi ngồi khóc mấy ngày liền. Tôi buồn bã không ăn uống gì. Tôi cầu nguyện với Thượng Đế trên trời rằng,

⁵ “Lạy CHÚA là Thượng Đế của các tầng trời, Ngài là Đấng cao cả đáng kính sợ. Ngài thành tín và giữ giao ước với những người yêu mến và vâng theo mệnh lệnh Ngài. ⁶ Xin hãy nhìn xuống và lắng nghe lời tôi, kể tôi tớ Ngài khẩn nguyện cả ngày lẫn đêm cho dân Ít-ra-en là các tôi tớ Ngài. Tôi xưng tội mà họ đã phạm cùng Ngài. Gia đình cha tôi và tôi cũng đã phạm tội

* **1:1:** Vào tháng Kích-lê năm thứ hai mươi Năm thứ hai mươi tức khoảng tháng 12, năm 444 trước Công nguyên.

cùng Ngài. ⁷ Chúng tôi đã hành động gian ác đối với Ngài, không vâng theo mệnh lệnh, qui tắc, luật lệ Ngài truyền ra qua tôi tớ Ngài là Mô-se.

⁸ Xin hãy nhớ điều Ngài đã dạy Mô-se, tôi tớ Ngài rằng, ‘Nếu các người không trung tín, ta sẽ phân tán các người giữa mọi nước. ⁹ Nhưng nếu các người trở lại cùng ta và vâng theo mệnh lệnh ta, thì ta sẽ mang các người về từ nơi tận cùng trái đất. Ta sẽ mang họ về từ chỗ bị cầm tù đến nơi ta đã chọn để họ thờ phụng ta.’

¹⁰ Họ là các tôi tớ và dân chúng mà Ngài đã giải cứu bằng sức mạnh và quyền năng lớn lao của Ngài. ¹¹ Lạy CHÚA, xin hãy lắng nghe lời khẩn nguyện của tôi tớ Ngài cùng những lời cầu xin của các tôi tớ yêu mến và tôn kính Ngài. Hôm nay, xin Ngài hãy ban cho tôi, kẻ tôi tớ Ngài được thành công. Xin giúp cho nhà vua tỏ lòng nhân từ đối với tôi.”

Tôi là người hầu rượu† cho vua.

2

Nê-hê-mi được phái đi Giê-ru-sa-lem

¹ Vào tháng Ni-san năm thứ hai mươi* triều đại vua. Nhà vua cần rượu cho nên tôi dâng rượu

† **1:11:** người hầu rượu Một chức vụ hết sức quan trọng vì viên chức này luôn luôn gần gũi với vua và nếm rượu của vua trước để vua khỏi bị đầu độc. * **2:1:** năm thứ hai mươi Nghĩa là năm 443 trước Công nguyên.

lên cho vua. Xưa nay tôi chưa hề tỏ vẻ buồn rầu khi đứng trước mặt vua. ² Vì thế vua hỏi, “Sao mặt người trông ủ rũ mặc dù người không có bệnh tật gì? Chắc trong lòng người có điều gì buồn bực?”

Lúc đó tôi đâm ra sợ. ³ Tôi thưa với vua, “Thưa vua, chúc vua sống đời đời! Sở dĩ tôi buồn là vì thành phố nơi có mồ mả của tổ tiên tôi bị điêu tàn, các cổng thành bị thiêu rụi.”

⁴ Vua liền hỏi, “Người cần gì?”

Tôi liền thề nguyện với Thượng Đế trên trời. ⁵ Rồi tôi thưa với vua, “Nếu vua bằng lòng, xin cho phép tôi đi trở về thành thuộc xứ Giu-đa nơi có mồ mả của tổ tiên tôi để tôi xây nó lại.”

⁶ Lúc đó hoàng hậu đang ngồi cạnh vua. Nhà vua hỏi, “Người đi bao lâu và chừng nào người về?”

Vua bằng lòng sai tôi đi nên tôi định kỳ hạn.

⁷ Tôi cũng thưa với vua, “Nếu vua cho phép, xin cấp cho tôi thư gửi cho các tổng trấn phía Tây sông Ơ-phơ-rát để họ cho phép tôi đi an toàn về Giu-đa. ⁸ Tôi xin vua viết một thư cho A-sáp, viên quản thủ lâm sản của vua để người cấp cho tôi gỗ. Tôi cần gỗ để làm các cổng cung điện kế cận đền thờ, và để xây tường, đồng thời để xây nhà cho tôi ở.” Vua liền cấp cho tôi các bức thư vì Thượng Đế tỏ lòng nhân từ Ngài đối cùng tôi. ⁹ Rồi tôi đi đến các quan tổng trấn phía Tây sông Ơ-phơ-rát và trình các bức thư của vua cấp. Vua cũng phái các sĩ quan và các lính cỡi ngựa cùng đi với tôi.

10 Khi San-ba-lát, người Hô-rôn, và Tô-bia, viên sĩ quan người Am-môn, nghe tin này thì họ đâm ra bực tức vì nay có người giúp đỡ dân Ít-ra-en.

Nê-hê-mi đi xem xét Giê-ru-sa-lem

11 Tôi đến Giê-ru-sa-lem và ở lại đó ba ngày.

12 Ban đêm tôi cùng một vài người nữa lên đường. Tôi không cho ai biết điều Thượng Đế muốn tôi làm cho Giê-ru-sa-lem. Không có súc vật nào khác ngoài con vật tôi cỡi.

13 Ban đêm tôi đi qua Cổng Thung Lũng. Tôi đi đến Giếng Rông và Cổng Rác, xem xét các vách thành Giê-ru-sa-lem đã bị sụp đổ và các cổng đã bị lửa đốt cháy. 14 Rồi tôi đi đến Cổng Suối Nước và Hồ Vua. Ở đó không đủ chỗ cho con vật tôi cỡi đi qua. 15 Cho nên ban đêm tôi đi lên thung lũng và xem xét vách thành. Cuối cùng tôi quay trở về Cổng Thung Lũng. 16 Các lính canh không biết tôi đi đâu hay làm gì. Tôi chưa nói gì cả với dân Do-thái, các thầy tế lễ, các thân hào, các sĩ quan, hay bất cứ ai sẽ tham gia công tác tái thiết.

17 Sau đó tôi bảo họ, “Các anh em có thể thấy cái khó khăn mình gặp ở đây. Giê-ru-sa-lem là một đồng hoang tàn, cổng thành bị lửa thiêu rụi. Bây giờ chúng ta hãy xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem để chúng ta không bị tủ nhục nữa.”

18 Tôi cũng cho họ biết Thượng Đế đã nhân từ đối với tôi ra sao cùng thuật lại với họ những lời vua nói cùng tôi.

Họ đồng thanh bảo, “Vậy chúng ta hãy khởi công tái thiết.” Thế là họ ra công.

19 Nhưng khi San-ba-lát, người Hô-rôn và Tô-bia, sĩ quan người Am-môn, và Ghê-sem, người Á-rập nghe tin đó liền chế diễu và cười nhạo chúng tôi. Họ hỏi, “Mấy anh định làm gì đó? Mấy anh định âm mưu chống vua à?”

20 Nhưng tôi trả lời, “Thượng Đế của các tầng trời sẽ giúp chúng tôi thành công. Chúng tôi là tôi tớ Ngài, sẽ khởi công xây dựng lại. Nhưng các anh không có phần, quyền lợi hay kỷ niệm gì với Giê-ru-sa-lem cả.”

3

Những người xây dựng lại vách thành

1 Ê-li-a-síp, thầy tế lễ cả và các thầy tế lễ đồng nghiệp bắt tay xây dựng lại Cổng Chiên. Họ dâng công tác mình cho CHÚA và dựng lại các cửa vào vị trí. Họ làm việc cho đến Thập Một Trăm và dâng công tác cho CHÚA. Rồi họ đi đến xây lại Thập Ha-na-nên. 2 Kế bên họ, có những người ở Giê-ri-cô xây lại một phần vách, còn Xa-cua, con trai Im-ri, xây kế bên họ.

3 Các con trai của Hát-sê-na xây lại Cổng Cá, đặt ván và dựng cửa, chốt cửa và đòn ngang vào vị trí. 4 Mê-rê-mốt, con trai U-ri, con của Hát-cô, sửa chữa kế bên họ. Mê-su-lam, con của Bê-rê-kia, con trai của Mê-sê-sa-bên, xây sửa kế bên Mê-rê-mốt. Còn Xa-đốc, con của Ba-a-na, sửa chữa bên cạnh Mê-su-lam. 5 Những người từ Tê-cô-a sửa chữa kế bên họ, nhưng những người trưởng toán của Tê-cô-a không làm việc dưới quyền các đốc công của họ.

⁶ Giô-gia-đa, con Pha-sê-a và Mê-su-lam, con Bê-sô-đi-a sửa chữa Cổng Cũ. Họ đặt ván và dựng cửa, chốt cửa và đòn ngang vào vị trí. ⁷ Tiếp theo họ có Mê-la-tia từ Ghi-bê-ôn cùng những người khác từ Ghi-bê-ôn và Mích-ba, với Gia-đôn từ Mê-rô-nốt cũng sửa chữa. Đó là những khu vực thuộc quyền cai trị của viên thống đốc vùng Ô-phơ-rát. ⁸ Kế họ có U-xi-ên, con trai Ha-hai-gia, thợ bạc, cũng sửa chữa. Kế người có Ha-na-nai-gia, thợ làm dầu thơm, sửa chữa. Những người đó xây sửa lại Giê-ru-sa-lem cho đến Cửa Rộng. ⁹ Phần kế tiếp của vách do Rê-phai-a, con Hu-rơ, quan cai trị phân nửa quận Giê-ru-sa-lem sửa chữa. ¹⁰ Cận người có Giê-đai-gia, con trai Ha-ru-máp sửa chữa phần đối diện nhà mình. Kế bên người có Ha-túc, con Ha-sáp-nia sửa chữa. ¹¹ Manh-ki-gia, con Ha-rim và Hát-súp, con Pha-hát Mô-áp sửa chữa phần khác của vách và Tháp Lò. ¹² Kế họ có Sa-lum, con Ha-lô-hết, viên quan cai quản nửa quận Giê-ru-sa-lem. Các con gái người cũng tham gia công tác sửa chữa.

¹³ Ha-nun và những người từ Xa-nô-a sửa chữa Cổng Thung Lũng, xây dựng lại cổng đó, dựng cửa, chốt cửa và đặt các đòn ngang vào vị trí. Họ cũng sửa chữa hơn bốn trăm thước* vách chạy dài cho đến Cổng Rác.

¹⁴ Manh-ki-gia, con Rê-cáp, viên quan cai trị quận Bết Ha-kê-rem, sửa chữa Cổng Rác. Người xây lại cổng đó, dựng cửa, chốt cửa và đặt các

* **3:13:** hơn bốn trăm thước Nguyên văn, “1.000 cu-bit” (khoảng 444 thước).

đòn ngang vào vị trí.

¹⁵ Sa-lum, con của Côn-Hô-giê, viên quan cai trị quận Mích-ba sửa chữa Cổng Suối Nước. Người xây sửa lại cổng đó, dựng mái che lên trên, đặt cửa, chốt cửa và các đòn ngang vào vị trí. Người cũng sửa chữa vách của Hồ Si-lôm kế cận Vườn Vua chạy dài cho tới các bậc thềm đi xuống phần xưa cũ của thành Đa-vít. ¹⁶ Kế Sa-lum có Nê-hê-mi, con Ách-búc, viên quan cai trị phân nửa quận Bết-sua. Người sửa chữa phần đối diện mã của Đa-vít và chạy tới hồ nhân tạo và Nhà của Các Anh hùng.

¹⁷ Kế người có các người Lê-vi sửa chữa. Họ làm việc dưới quyền coi sóc của Rê-hum, con Ba-ni. Kế người có Ha-sa-bia, quan cai trị nửa quận Kê-I-la, tức quận của mình. ¹⁸ Cảnh người có Bình-nui, con Hê-na-đát và những người Lê-vi sửa chữa. Bình-nui là quan cai trị nửa quận Kê-I-la. ¹⁹ Kế họ có Ê-xe, con Giê-sua, quan cai trị Mích-ba, sửa chữa phần khác của vách. Người làm việc đối diện với kho vũ khí, đến chỗ quẹo. ²⁰ Kế người có Ba-rúc, con Xáp-bai, ra công dựng lại vách từ chỗ quẹo cho đến cổng nhà của Ê-li-a-síp, thầy tế lễ cả. ²¹ Kế người là Mê-rê-mốt, con U-ri, con Hát-cô sửa chữa phần vách chạy từ cổng nhà Ê-li-a-síp cho đến cuối nhà.

²² Khu vực kế tiếp do các thầy tế lễ từ sống gần vùng đó† phụ trách sửa chữa. ²³ Kế họ có Bên-gia-min và Hát-súp sửa chữa trước mặt nhà họ.

† 3:22: vùng đó Có lẽ là vùng “Thung Lũng sông Giô-đanh.”

Tiếp đến có A-xa-ria, con Ma-a-sê-gia, con A-na-
nia, sửa chữa bên cạnh nhà mình. ²⁴ Cạnh người
có Binh-nui, con Hê-na-đát, sửa chữa vách chạy
từ nhà A-xa-ria đến chỗ quẹo cho tới góc thành.
²⁵ Pha-lanh, con U-sai sửa chữa đối diện từ chỗ
quẹo cạnh tháp ở cung điện trên, gần sân của
toán cận vệ vua. Kế bên Pha-lanh có Phê-đai-
gia, con Pha-rốt sửa chữa. ²⁶ Những người giúp
việc trong đền thờ cư ngụ trên đồi Ô-phen sửa
chữa cho đến điểm đối ngang Cổng Nước. Rồi
họ sửa chữa về phía đông và phía tháp chạy từ
cung vua.

²⁷ Kế họ có những người ở Tê-cô-a sửa chữa
vách từ tháp cao chạy dài từ cung vua cho đến
vách Ô-phen.

²⁸ Các thầy tế lễ sửa chữa phía trên Cổng Ngựa,
mỗi người lo phần trước mặt nhà mình. ²⁹ Kế
bên họ có Xa-đốc, con của Im-mê sửa chữa đối
diện nhà mình. Cạnh người có Sê-mai-gia, con
Sê-ca-nia, lính canh Cổng phía đông, cũng sửa
chữa. ³⁰ Kế bên người có Ha-na-nia, con Sê-lê-
mia và Ha-nun, con thứ sáu của Xa-láp, sửa chữa
phần khác của vách. Cạnh họ có Mê-su-lam, con
Bê-rê-kia sửa chữa ngay trước nơi ở của mình.
³¹ Kế người có Manh-ki-gia, một trong những thợ
bạc, cũng sửa chữa. Người sửa cho đến nhà của
các đầy tớ phục vụ trong đền thờ và các thương
gia. Đó là phần nằm đối diện Cổng Thanh tra, và
làm cho đến phòng phía trên góc vách. ³² Các
thợ bạc và thương gia sửa chữa phần nằm giữa
phòng phía trên của góc vách và Cổng Chiên.

4

Những kẻ chống lại việc tái thiết

¹ Khi San-ba-lát nghe chúng tôi xây sửa lại vách thành, hẳn rất bất bình đến độ tức tối. Hẳn chế diễu dân Do-thái. ² Hẳn bảo bạn hữu và những kẻ có thể lực ở Xa-ma-ri rằng, “Bọn Do-thái yếu hèn đó mà làm được gì? Tội nó xây lại vách thành à? Rồi dăng của lễ hả? Bộ chúng xây một ngày là xong sao? Liệu chúng có thể phục hồi sinh lực của các tảng đá đã thành đống rác hay tro tàn được sao?”

³ Tô-bia người Am-môn đứng kế San-ba-lát cũng phụ họa, “Nếu có con chồn trèo lên vách đá mà chúng đang xây cũng đủ làm nó sập liền.”

⁴ Tôi cầu nguyện, “Thượng Đế ơi, xin nghe chúng tôi. Người ta ghét chúng tôi. Xin đổ sự sỉ nhục của San-ba-lát và Tô-bia lại trên đầu chúng nó. Xin cho chúng nó bị bắt làm tù đày và làm chiến lợi phẩm. ⁵ Xin đừng giấu tội lỗi hay cất gian ác chúng nó khỏi mắt chúng nó vì chúng nó đã sỉ nhục những thợ sửa chữa.”

⁶ Nên chúng tôi xây lại vách đến phân nửa chiều cao, vì dân chúng hăng say làm việc.

⁷ Nhưng San-ba-lát, Tô-bia, những người Á-rập, người Am-môn, người từ Ách-đốt đều tức giận khi chúng nghe chương trình sửa chữa vách thành Giê-ru-sa-lem tiến triển đều đặn và các lỗ trong vách thành đang được trám lại. ⁸ Cho nên họ lập mưu đến Giê-ru-sa-lem kiểm chuyện để gây rối, ngăn trở việc xây cất.

⁹ Nhưng chúng tôi cầu nguyện cùng Thượng Đế và cắt lính canh chừng họ cả ngày lẫn đêm.

¹⁰ Dân Giu-đa báo cáo, “Các nhân công đã mệt mỏi rồi. Rác rưởi nhiều quá chúng tôi không thể xây sửa vách thành được nữa.”

¹¹ Các kẻ thù chúng tôi bảo, “Bọn Do-thái không biết, không thấy gì hết cho đến khi chúng ta ập đến giết chúng và làm gián đoạn công tác.”

¹² Mười lần những người Do-thái sống cạnh các kẻ thù chúng tôi đến báo cáo, “Quay phía nào cũng bị kẻ thù tấn công.” ¹³ Vì thế tôi đặt người gác những nơi thấp nhất dọc theo vách tức các chỗ trống và cắt các gia đình làm việc chung nhau, mang theo gươm, giáo, cung tên.

¹⁴ Rồi tôi nhìn quanh quất và đứng lên bảo các người có uy tín, các người lãnh đạo, và cùng toàn thể dân chúng: “Anh em đừng sợ họ. Hãy nhớ CHÚA là Đấng cao cả và quyền năng. Hãy chiến đấu vì anh em, con trai và con cái mình, cho vợ và nhà cửa mình.”

¹⁵ Sau đó các kẻ thù nghe rằng chúng tôi đã hay biết âm mưu của chúng và Thượng Đế đã phá hỏng âm mưu chúng. Cho nên chúng tôi trở lại công tác xây sửa vách thành, ai lo làm phần nấy.

¹⁶ Từ hôm đó trở đi, phân nửa số thợ lo xây sửa. Phân nửa khác sẵn sàng gươm, thuẫn, cung tên, và vũ khí. Các sĩ quan đứng phía sau người Giu-đa ¹⁷ là những người đang xây lại vách. Những người mang vật liệu bằng một tay, còn tay kia cầm vũ khí. ¹⁸ Mỗi người thợ đều

mang theo vũ khí bên hông đang khi làm việc. Còn người thổi kèn báo động đứng kế bên tôi.

¹⁹ Rồi tôi bảo những người có uy tín, các người lãnh đạo và toàn thể dân chúng rằng, “Công tác này rất lớn lao. Chúng ta phân tán mỏng dọc theo vách thành cho nên cách nhau quá xa.
²⁰ Khi nào các anh em nghe tiếng kèn báo động thì hãy tập hợp lại chỗ đó. Thượng Đế của chúng ta sẽ chiến đấu cho chúng ta.”

²¹ Cho nên chúng tôi tiếp tục làm việc, phân nửa số người cầm gươm giáo từ sáng sớm cho đến khi sao mọc. ²² Lúc đó tôi cũng bảo dân chúng, “Mỗi người thợ và các người phụ việc phải ngủ đêm lại Giê-ru-sa-lem. Ban đêm họ làm lính tuần canh, còn ban ngày thì làm việc.”
²³ Tôi, anh em tôi, các người thợ, hay các lính tuần canh đều không thay quần áo. Mỗi người đều mang theo vũ khí cả lúc đi lấy nước nữa.

5

Nê-hê-mi bệnh vực người nghèo

¹ Một số người đàn ông và các bà vợ khiêu nại về đồng bào Do-thái khác. ² Họ bảo, “Gia đình chúng tôi đông con, trai lẫn gái. Muốn sống chúng tôi phải ăn bằng thóc gạo.”

³ Một số người khác bảo, “Chúng tôi cầm thế ruộng, vườn nho, nhà cửa để lấy tiền mua thóc gạo vì thực phẩm khan hiếm.”

⁴ Một số người khác nữa nói, “Chúng tôi phải vay tiền để trả thuế ruộng nương và vườn nho cho vua. ⁵ Chúng tôi cũng giống như các anh em

Do-thái khác, con chúng tôi cũng như con họ. Nhưng chúng tôi phải bán con trai con gái mình làm tôi mọi. Một số con gái chúng tôi đã bị bán. Chúng tôi không biết làm gì hơn vì đất ruộng và vườn nho chúng tôi thuộc về người khác rồi.”

⁶ Khi tôi nghe những lời khiêu nại đó tôi vô cùng tức giận. ⁷ Sau khi suy xét kỹ về vấn đề này, tôi liền trách những người có uy tín, những người lãnh đạo trong dân chúng. Tôi bảo, “Mấy anh em cho vay ăn lời cắt cổ.” Cho nên tôi triệu tập một phiên họp lớn để giải quyết. ⁸ Tôi bảo họ, “Chúng ta đã chuộc tự do cho đồng bào Do-thái mình là những kẻ đã bị bán cho người ngoại quốc. Bây giờ anh em lại bán đồng bào Do-thái mình cho chúng tôi!” Các người lãnh đạo làm thinh, không biết nói làm sao.

⁹ Tôi tiếp, “Điều anh em làm thật không đúng chút nào. Anh em không kính sợ Thượng Đế sao? Đừng để những kẻ thù ngoại quốc sỉ nhục chúng ta. ¹⁰ Tôi, anh em tôi, và những người làm cho tôi cũng cho dân chúng mượn tiền, thóc gạo và lấy lời. Nhưng anh em không nên làm như thế. ¹¹ Bây giờ hãy trả lại ruộng nương, vườn nho, cây ô liu, và nhà cửa cho họ. Cũng phải hoàn trả lại số tiền lời quá đáng mà anh em đã thu, tức một phần trăm tiền cho vay, gạo thóc, rượu mới và dầu.”

¹² Họ đáp, “Chúng tôi sẽ trả lại cho dân chúng và không đòi họ thêm gì cả. Chúng tôi sẽ làm theo như ông nói.”

Rồi tôi gọi các thầy tế lễ và buộc các người có uy tín và các người lãnh đạo tuyên thệ thực hiện lời họ cam kết. ¹³ Tôi cũng giữ áo tôi và tuyên bố, “Những ai không giữ lời cam kết sẽ bị Thượng Đế giữ ra như thế này. Cầu Thượng Đế giữ họ ra khỏi nhà Ngài và ra khỏi tài sản họ. Nguyện người đó bị giữ ra còn tay không!”

Rồi toàn thể mọi người nói, “A-men,” và ca ngợi CHÚA. Vậy dân chúng làm theo điều họ cam kết.

¹⁴ Năm thứ hai mươi* đời vua A-c-ta-xét-xe, tôi được cử làm tổng trấn đất Giu-đa. Tôi giữ chức tổng trấn xứ Giu-đa trong mười hai năm cho đến năm thứ ba mươi hai đời vua đó. Trong thời gian tại chức tôi hay anh em tôi không hề hưởng lương thực dành cho quan tổng trấn.

¹⁵ Nhưng các quan tổng trấn trước tôi dè dặt coi sóc dân chúng. Họ thu một cân† bạc từ mỗi người, không kể thực phẩm và rượu. Những người giúp việc cho quan tổng trấn trước tôi cũng chèn ép dân chúng, nhưng tôi không làm như vậy vì tôi kính sợ Thượng Đế. ¹⁶ Tôi làm công tác sửa chữa vách thành cũng như tất cả đầy tớ tôi có mặt tại đó. Chúng tôi không mua ruộng nương của ai.

¹⁷ Ngoài ra tôi thết đãi một trăm năm mươi người và viên chức Do-thái ăn cùng bàn với tôi, luôn cả những người đến từ các quốc gia lân cận.

* **5:14:** Năm thứ hai mươi Khoảng năm 444-432 trước Công nguyên. † **5:15:** một cân Nguyên văn, “40 sê-ken” (khoảng nửa kí-lô).

¹⁸ Thức ăn chuẩn bị hằng ngày gồm có: một con bò, sáu con chiên mập, và chim chóc. Mỗi mười ngày lại có đủ thứ rượu. Nhưng tôi không hề đòi hỏi lương thực dành cho quan tổng trấn vì dân chúng đã phải làm lưng vất vả lắm rồi.

¹⁹ Lạy Thượng Đế, xin nhớ tỏ lòng nhân từ đối với tôi vì những điều tốt tôi đã làm cho dân này.

6

Rắc rối thêm cho Nê-hê-mi

¹ Lúc đó San-ba-lát, Tô-bia, Ghê-sem người Á-rập, và những kẻ thù khác của chúng tôi nghe rằng tôi đã sửa chữa lại vách thành và không còn lỗ trống nào trong vách. Nhưng tôi chưa cho dựng các cánh cửa của cổng thành. ² Nên San-ba-lát và Ghê-sem nhắn với tôi như sau: “Này anh Nê-hê-mi, chúng ta hãy gặp nhau ở Kê-phi-rim trong bình nguyên Ô-nô.”

Nhưng thực tâm là chúng định ám hại tôi.

³ Nên tôi cho người trả lời họ như sau: “Tôi đang bận làm công tác lớn nên không thể xuống được. Tôi không thể nào bỏ dở công việc để gặp các anh.” ⁴ San-ba-lát và Ghê-sem nhắn tôi bốn lần, lần nào tôi cũng trả lời hẩn y như vậy. ⁵ Lần thứ năm San-ba-lát cho người giúp việc của hẩn nhắn tôi, tay cầm theo thư không dán. ⁶ Thư viết như sau:

Có tiếng đồn trong các nước, và Ghê-sem đã kiểm chứng thấy là đúng sự thật, rằng anh và những người Giu-đa đang âm mưu chống lại vua và rằng anh đang xây sửa vách thành. Họ bảo

rằng anh sẽ là vua của họ ⁷ và rằng anh đã chỉ định các nhà tiên tri để loan báo tại Giê-ru-sa-lem: “Ở đây có một vua Giu-đa!”

Nhà vua sẽ nghe biết việc này. Cho nên chúng ta hãy gặp nhau để thảo luận vấn đề.

⁸ Tôi liền nhắn lại với hắn: “Điều anh nói không đúng sự thật. Anh chỉ tưởng tượng ra trong trí thôi.”

⁹ Kẻ thù chúng tôi muốn làm cho chúng tôi hoảng sợ vì chúng nghĩ rằng, “Bọn chúng quá hèn yếu không làm việc nổi. Vách thành không thể nào xong được.”

Nhưng tôi cầu nguyện, “Lạy Thượng Đế, xin giúp tôi can đảm.”

¹⁰ Một ngày nọ tôi đi đến nhà của Sê-mai-gia, con Đê-lai-gia, cháu Mê-hê-ta-bên. Sê-mai-gia phải nghỉ ở nhà. Anh bảo, “Anh Nê-hê-mi à, chúng ta hãy gặp nhau trong đền thờ Thượng Đế. Hãy đi vào Nơi Thánh* rồi đóng cửa lại vì có người định đến lúc ban đêm để giết anh đó.”

¹¹ Nhưng tôi bảo, “Người như tôi mà bỏ chạy à? Tôi mà chạy vào đền thờ để thoát chết sao? Tôi không làm như thế được.” ¹² Tôi biết không phải Thượng Đế sai anh ta mà Tô-bia và San-ba-lát đã trả tiền cho anh nói tiên tri nghịch tôi.

¹³ Chúng trả tiền cho anh ta để khiến tôi sợ hãi buộc phải làm theo điều anh ta đề nghị và phạm tội. Rồi chúng sẽ bêu xấu tôi và làm nhục tôi.

* **6:10:** Nơi Thánh Nguyên văn, “cung điện.” Chỉ có thầy tế lễ mới được phép đi vào khu vực này của đền thờ.

14 Tôi cầu nguyện, “Lạy Thượng Đế, xin nhớ Tô-bia và San-ba-lát cùng những điều chúng làm. Cũng xin Ngài nhớ đến nữ tiên tri Nô-a-đia và các tiên tri khác đã tìm cách làm tôi hoảng sợ.”

Vách thành sửa chữa xong

15 Vách thành Giê-ru-sa-lem được xây sửa xong vào ngày hai mươi lăm tháng Ê-lun[†]. Công tác sửa chữa mất năm mươi hai ngày. 16 Khi các kẻ thù chúng tôi nghe và các quốc gia lân cận thấy việc đó thì đâm ra xấu hổ. Lúc đó chúng biết rằng công tác này được hoàn tất là do Thượng Đế chúng tôi hỗ trợ.

17 Cũng trong những ngày đó các người có uy tín của Giu-đa gửi nhiều thư cho Tô-bia và hẳn trả lời các lá thư của họ. 18 Nhiều người Giu-đa cam kết trung thành với Tô-bia vì hẳn là rể của Sê-ca-nia, con A-ra. Còn Giê-hô-ha-nan, con trai Tô-bia lấy con gái Mê-su-lam, con Bê-rê-kia. 19 Những người ấy khen Tô-bia là người tốt đồng thời thuật cho anh ta nghe những điều tôi làm. Vì thế Tô-bia gửi thư hăm dọa tôi.

7

1 Sau khi vách thành đã được xây sửa xong và tôi đã lắp cửa, thì tôi chọn những người gác cửa, các ca sĩ và người Lê-vi. 2 Tôi đặt Ha-na-ni, em tôi, cùng với Ha-na-nia, chỉ huy cung điện, chịu trách nhiệm canh giữ Giê-ru-sa-lem. Ha-na-nia

[†] 6:15: tháng Ê-lun Tức khoảng tháng 8-10 dương lịch, vào năm 443 trước Công nguyên.

là người lương thiện và kính sợ Thượng Đế hơn tất cả mọi người. ³ Tôi bảo họ, “Không nên mở cổng thành Giê-ru-sa-lem cho đến khi mặt trời lên cao. Trong lúc các người gác cổng đang thi hành nhiệm vụ, bảo họ đóng cổng khóa chốt lại. Hãy cất đặt những người ở Giê-ru-sa-lem làm lính tuần canh, đặt một số ở các vọng canh, một số canh ở nhà mình.”

Những tù binh trở về

⁴ Thành phố thì rộng lớn bao la mà dân cư thì thưa thớt, nhà cửa cũng chưa xây cất lại. ⁵ Cho nên Thượng Đế của tôi giục tôi triệu tập các người có uy tín, các lãnh tụ, và những thường dân để tôi đăng ký họ theo gia đình. Tôi tìm được gia phổ* của những người đã hồi hương lần đầu tiên. Sau đây là những điều ghi trong các gia phổ đó:

⁶ Dưới đây là những người trong vùng trở về nước sau cuộc lưu đày mà Nê-bu-cát-nết-xa, vua Ba-by-lôn đã bắt mang đi. Họ trở về Giê-ru-sa-lem và xứ Giu-đa, mỗi người trở về nguyên quán mình. ⁷ Những người sau đây hồi hương cùng với Xê-ru-ba-bên, Giê-sua, Nê-hê-mi, A-xa-ria, Ra-a-mia, Na-ha-ma-ni, Mạc-đô-chê, Binh-san, Mích-phê-rết, Bích-vai, Nê-hum, và Ba-a-na.

Sau đây là những người thuộc dân Ít-ra-en: ⁸ con cháu Pha-rốt: 2.172 người; ⁹ con cháu Sê-pha-tia: 372 người; ¹⁰ con cháu A-ra: 652 người; ¹¹ con cháu Pha-hát Mô-áp (qua gia đình Giê-sua

* 7:5: gia phổ Xem E-xơ-ra 2.

và Giô-áp): 2.818 người; ¹² con cháu Ê-lam: 1.254 người; ¹³ con cháu Giát-tu: 845 người; ¹⁴ con cháu Giác-cai: 760 người; ¹⁵ con cháu Bình-nui: 648 người; ¹⁶ con cháu Bê-bai: 628 người; ¹⁷ con cháu Ách-gát: 2.322 người; ¹⁸ con cháu A-đô-ni-cam: 667 người; ¹⁹ con cháu Bích-vai: 2.067 người; ²⁰ con cháu A-đinh: 655 người; ²¹ con cháu A-tơ (qua Hê-xê-kia): 98 người; ²² con cháu Ha-sum: 328 người; ²³ con cháu Bê-dai: 324 người; ²⁴ con cháu Ha-ríp: 112 người; ²⁵ con cháu Ghi-bê-ôn: 95 người;

²⁶ Những người sau đây thuộc thị trấn Bết-lê-hem và Nê-tô-pha: 188 người; ²⁷ thuộc A-na-thốt: 128 người; ²⁸ thuộc Bết A-ma-vết: 42 người; ²⁹ thuộc Ki-ri-át Giê-a-rim, Kê-phi-ra, và Bê-ê-rốt: 743 người; ³⁰ thuộc Ra-ma và Ghê-ba: 621 người; ³¹ thuộc Mích-ma: 122 người; ³² thuộc Bê-tên và A-hi: 123 người; ³³ thuộc Nê-bô thứ nhì: 52 người; ³⁴ thuộc thị trấn Ê-lam thứ nhì: 1.254 người; ³⁵ thuộc Ha-rim: 320 người; ³⁶ thuộc Giê-ri-cô: 345 người; ³⁷ thuộc Lốt, Ha-đích, và Ô-nô: 721 người; ³⁸ thuộc Sê-na-a: 3.930 người;

³⁹ Sau đây là những thầy tế lễ: con cháu Giê-đai-gia, qua gia đình Giê-sua: 973 người; ⁴⁰ con cháu Im-mê: 1.052 người; ⁴¹ con cháu Pha-sua: 1.247 người; ⁴² con cháu Ha-rim: 1.017 người;

⁴³ Sau đây là những người Lê-vi: con cháu Giê-sua, qua Cát-miên, qua gia đình của Hô-đa-via†: 74 người;

† 7:43: Hô-đa-via Hay "Hô-đê-gia."

⁴⁴ Sau đây là những ca sĩ: con cháu A-sáp: 148 người;

⁴⁵ Sau đây là những người gác cửa: con cháu Sa-lum, A-te, Tanh-môn, Ác-cúp, Ha-ti-ta, và Sô-bai: 138 người.

⁴⁶ Sau đây là những đầy tớ phục vụ trong đền thờ: con cháu Di-ha, Ha-su-pha, Táp-bao-ốt, ⁴⁷ Kê-rốt, Sia, Pha-đôn, ⁴⁸ Lê-ba-na, Ha-ga-ba, Sanh-mai, ⁴⁹ Ha-nan, Ghi-đen, Ga-ha, ⁵⁰ Rê-ai-gia, Rê-xin, Nê-cô-đa, ⁵¹ Ga-giam, U-xa, Pha-sê-a, ⁵² Bê-sai, Mê-u-nim, Nê-phu-sim, ⁵³ Bát-cúc, Ha-ku-pha, Ha-hua, ⁵⁴ Bát-lút, Mê-hi-đa, Hát-sa, ⁵⁵ Bát-cốt, Si-sê-ra, Thê-ma, ⁵⁶ Nê-xia, và Ha-ti-pha.

⁵⁷ Sau đây là con cháu của các đầy tớ Sô-lô-môn: con cháu Sô-tai, Sô-phê-rết, Phê-ri-đa, ⁵⁸ Gia-a-la, Đác-côn, Ghi-đen, ⁵⁹ Sê-pha-tia, Hát-tin, Phô-kê-rết Ha-giê-ba-im, và Am-môn.

⁶⁰ Các đầy tớ phục vụ trong đền thờ của Sô-lô-môn tổng cộng là 392 người.

⁶¹ Một số người đến Giê-ru-sa-lem từ các thị trấn như Tên-Mê-la, Tên-Hát-sa, Kê-rúp, Ách-đôn, và Im-mê, nhưng họ không chứng minh được gốc gác tổ tiên mình là người Ít-ra-en. Sau đây là tên và nhân số của họ: ⁶² con cháu Ê-lai-gia, Tô-bia, và Nê-cô-đa: 642 người;

⁶³ Các thầy tế lễ sau đây không chứng minh được gốc gác Ít-ra-en của mình: con cháu Hô-bai-gia, Hách-côi, và Bát-xi-lai. (Ai lấy con gái Bát-xi-lai vùng Ghi-lê-át thì được xem là dòng dõi Bát-xi-lai.) ⁶⁴ Những người đó sưu tầm gia

phổ nhưng không tìm được. Nên họ không thể làm thầy tế lễ vì họ bị xem như không đủ năng cách. ⁶⁵ Quan tổng trấn ra lệnh cho họ không được phép ăn các thức ăn cực thánh cho đến khi một thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim để giải quyết vấn đề này.

⁶⁶ Tổng số người hồi hương là 42.360. ⁶⁷ Trong số đó không kể 7.337 tôi trai tứ gái của họ và 245 nam nữ ca sĩ cùng về với họ. ⁶⁸ Họ có 736 con ngựa, 245 con la, ⁶⁹ 435 con lạc đà, và 6.720 con lừa.

⁷⁰ Một số các trưởng gia đình dâng công. Quan tổng trấn ứng vào ngân quỹ khoảng 19 cân[‡] vàng, 50 chén bát, và 530 bộ áo cho các thầy tế lễ. ⁷¹ Một số trưởng gia đình dâng khoảng 375 cân[§] vàng và 2.750 cân* bạc vào ngân quỹ. ⁷² Tổng số lễ vật của các người khác là khoảng 375 cân vàng, 2.500 cân[†] bạc, và 67 bộ áo cho thầy tế lễ. ⁷³ Vậy tất cả những người sau đây định cư tại các tỉnh nhà của mình: các thầy tế lễ, người Lê-vi, những người gác cửa, các ca sĩ, các đầy tớ phục vụ trong đền thờ. Đến tháng bảy[‡] năm ấy, toàn dân Ít-ra-en đều đã định cư xong trong các thành mình.

E-xơ-ra đọc những lời giáo huấn

[‡] **7:70:** 19 cân Nguyên văn, “1.000 đắc ma” (khoảng 8,60 kí-lô).

§ 7:71: 375 cân Nguyên văn, “20.000 đắc ma” (khoảng 172,50 kí-lô). * **7:71:** 2.750 cân Nguyên văn, “2.200 mi-na” (khoảng 1.265 kí-lô).

[†] **7:72:** 2.500 cân Nguyên văn, “2.000 mi-na” (khoảng 1.150 kí-lô). [‡] **7:73:** tháng bảy Theo lịch Do-thái tức khoảng tháng 9-10 dương lịch. Xem thêm 8:1, 14-15.

Đến tháng bảy, tất cả dân Ít-ra-en đều định cư xong tại các thị trấn nguyên quán của mình.

8

¹ Tất cả dân Ít-ra-en tập họp tại công viên gần Cổng Nước. Họ yêu cầu E-xơ-ra là chuyên gia về luật mang đến Sách Giáo Huấn của Mô-se mà CHÚA đã ban cho dân Ít-ra-en.

² Cho nên ngày đầu tiên của tháng*, E-xơ-ra là thầy tế lễ mang sách Giáo Huấn ra đọc cho dân chúng. Đàn ông, đàn bà, và tất cả những ai có thể nghe và hiểu được đều họp lại. ³ Tại công viên gần Cổng Nước, E-xơ-ra đọc lớn lời Giáo Huấn từ sáng sớm cho đến trưa cho tất cả đàn ông, đàn bà, cùng những ai có thể nghe và hiểu được. Mọi người đều chăm chú nghe Sách Giáo Huấn.

⁴ Chuyên gia luật pháp E-xơ-ra đứng trên một bục gỗ cao đã được đóng cho việc đó. Bên phải ông có Ma-ti-thia, Sê-ma, A-nai-gia, U-ri-a, Hinh-kia, và Ma-a-sê-gia. Bên trái ông có Bê-đai-gia, Mi-sa-ên, Manh-ki-gia, Ha-sun, Hát-bát-đana, Xa-cha-ri, và Mê-su-lam.

⁵ E-xơ-ra mở sách ra trước mắt mọi người, vì ông đứng cao hơn họ. Khi ông mở sách ra thì mọi người đứng dậy. ⁶ E-xơ-ra ca ngợi CHÚA, Thượng Đế chí cao, mọi người liền giơ tay lên trời nói, "A-men! A-men!" Rồi họ sấp mặt xuống đất bái lạy CHÚA.

* **8:2:** ngày đầu tiên của tháng Đây là một ngày đặc biệt để thờ phụng. Dân chúng họp lại để cùng ăn chung với nhau.

⁷ Những người Lê-vi sau đây giải thích Lời Giáo Huấn cho dân chúng đang đứng đó: Giê-sua, Ba-ni, Sê-rê-bia, Gia-min, Ác-cúp, Sa-bê-thai, Hô-đia, Ma-a-sê-gia, Kê-li-ta, A-xa-ria, Giô-xa-bát, Ha-nan, và Bê-lai-gia. ⁸ Họ đọc Sách Giáo Huấn của Thượng Đế và giải nghĩa cho dân chúng hiểu điều đang đọc.

⁹ Rồi Nê-hê-mi, quan tổng trấn, E-xơ-ra, thầy tế lễ và chuyên gia luật, và những người Lê-vi đang dạy dỗ bảo toàn thể dân chúng, “Hôm nay là ngày thánh[†] cho CHÚA là Thượng Đế các người. Đừng buồn bã hay than khóc.” Vì dân chúng đều khóc sụt sùi khi nghe đọc lời trong Sách Giáo Huấn.

¹⁰ Nê-hê-mi bảo, “Hãy đi ăn uống cho ngon. Hãy mang thức ăn cho những người thiếu thốn, vì hôm nay là ngày thánh cho CHÚA. Không nên buồn bã vì sự vui vẻ của CHÚA sẽ giúp các người mạnh dạn.”

¹¹ Người Lê-vi khuyên dỗ dân chúng và bảo, “Hãy yên lặng vì hôm nay là ngày thánh. Đừng buồn.”

¹² Vậy dân chúng đi về ăn và uống, gửi thực phẩm cho những người khác và hớn hở ăn mừng. Sau cùng họ đã hiểu được điều dạy dỗ.

¹³ Vào ngày mồng hai của tháng, các trưởng gia đình, các thầy tế lễ, và những người Lê-vi họp chung với chuyên gia luật E-xơ-ra. Họ họp

[†] 8:9: ngày thánh Hay ngày đặc biệt Ngày đầu tiên và ngày thứ nhì của tháng là những ngày đặc biệt để thờ phụng. Dân chúng họp lại để cùng ăn chung với nhau.

nhau lại để học hỏi những lời trong Sách Giáo Huấn.

¹⁴ Họ thấy trong Sách Giáo Huấn viết như sau: CHÚA truyền qua Mô-se là dân Ít-ra-en phải ở trong các chòi lá vào thời gian kỷ niệm lễ tháng bảy. ¹⁵ Dân chúng phải phổ biến lời dạy dỗ sau đây trong các thị trấn và tại Giê-ru-sa-lem: “Hãy lên núi, hái về các nhánh ô-liu cùng các cây ô-liu hoang, cành cây sim, cành chà là, và cành cây có bóng mát. Dùng những nhánh cây đó làm chòi lá theo như đã viết.”

¹⁶ Cho nên dân chúng đi ra mang về các nhánh cây. Họ dựng chòi lá trên mái nhà, trong sân, trong sân đền thờ, trong công viên ở Cổng Nước, và nơi công viên kế bên Cổng Ép-ra-im. ¹⁷ Tất cả những người đã trở về từ cuộc lưu đày đều dựng chòi ở trong đó. Từ thời Giô-suê, con trai của Nun cho đến lúc bấy giờ dân Ít-ra-en chưa hề làm như vậy. Ai nấy đều rất vui mừng.

¹⁸ Mỗi ngày E-xơ-ra đọc cho họ nghe Sách Giáo Huấn, từ ngày đầu tới ngày cuối. Dân Ít-ra-en cử hành lễ trong bảy ngày, rồi đến ngày thứ tám họ họp nhau lại theo như luật định.

9

Dân Ít-ra-en xưng tội

¹ Vào ngày hai mươi bốn tháng đó, dân Ít-ra-en họp nhau lại. Họ cũn ăn và mặc vải xô, phủ bụi đất lên đầu để tỏ sự buồn thảm. ² Những người gốc Ít-ra-en tách ra khỏi những người ngoại quốc. Họ đứng lên xưng tội mình và tội

của tổ tiên mình. ³ Họ đứng suốt ba tiếng đồng hồ liền để nghe đọc Sách Giáo Huấn của CHÚA là Thượng Đế của họ. Ba tiếng đồng hồ kế tiếp họ xưng tội và thờ phụng CHÚA là Thượng Đế của họ. ⁴ Những người Lê-vi sau đây đứng trên bậc thang: Giê-sua, Ba-ni, Cát-miên, Sê-ba-nia, Bun-ni, Sê-rê-bia, Ba-ni, và Ca-na-ni. Họ lớn tiếng kêu cầu cùng CHÚA là Thượng Đế mình. ⁵ Rồi những người Lê-vi sau đây lên tiếng: Giê-sua, Cát-miên, Ba-ni, Ha-sáp-nê-gia, Sê-rê-bia, Hô-đia, Sê-ba-nia, và Bê-tha-hia. Họ bảo,

“Hãy đứng dậy ca ngợi CHÚA là Thượng Đế các người, Đấng sống đời đời.”

Lời cầu nguyện của dân chúng

“Đáng chúc tụng danh kỳ diệu của Ngài.

Danh đó thật diệu kỳ hơn những lời chúc tụng và ca ngợi.

⁶ Ngài là CHÚA duy nhất.

Ngài tạo nên trời và các tầng trời rất cao,
cùng các ngôi sao.

Ngài dựng nên trái đất và mọi loài trong đó,

Biển và mọi loài trong biển;

Ngài ban sự sống cho mọi loài.

Các thiên thần phụng thờ Ngài.

⁷ Ngài là CHÚA, là Thượng Đế,

Đấng đã chọn Áp-ram,

mang người ra khỏi U-rơ thuộc vùng Ba-by-lôn

và đổi tên người ra Áp-ra-ham.

⁸ Ngài nhận thấy người trung tín với Ngài,

cho nên Ngài lập ước với người

hứa cho dòng dõi người đất của dân Ca-na-an,
dân Hê-tít, dân A-mô-rít,
dân Phê-ri-sít, dân Giê-bu-sít, và dân Ghi-ga-sít.
Ngài đã giữ lời hứa mình,
Vì Ngài luôn luôn làm điều phải.

⁹ Ngài thấy các tổ tiên chúng tôi khổ sở nơi Ai-cập,
và nghe họ kêu khóc nơi Hồng hải.

¹⁰ Ngài làm nhiều điều kỳ diệu nghịch lại vua Ai-cập,
nghịch lại các thần và dân chúng của người,

vì Ngài biết họ rất tự phụ.
Ngài nổi danh như ngày nay.

¹¹ Ngài rẽ biển trước mắt tổ tiên chúng tôi;
họ đi ngang qua trên đất khô,
Nhưng Ngài xô những kẻ đuổi theo họ xuống
nước sâu,
như hòn đá bị quăng vào dòng nước chảy mạnh.

¹² Ban ngày Ngài dẫn dắt các tổ tiên chúng tôi
bằng một trụ mây,
còn ban đêm bằng một trụ lửa.

Chúng soi đường để dân chúng đi.

¹³ Ngài ngự xuống trên núi Si-nai,
từ trời Ngài phán với tổ tiên chúng tôi.

Ngài ban cho họ các luật lệ công bình
và những lời giáo huấn chân thật,
những huấn lệnh và chỉ thị tốt lành.

¹⁴ Ngài dạy họ về ngày Sa-bát thánh,
và ban cho họ các chỉ thị, huấn lệnh
qua Mô-se, tôi tớ Ngài.

- 15 Khi họ đói, Ngài ban cho họ bánh từ trời.
Khi họ khát, Ngài ban cho họ nước uống từ tảng đá.
Ngài bảo họ hãy vào chiếm xứ mà Ngài đã hứa ban cho họ.
- 16 Nhưng các tổ tiên chúng tôi kiêu căng và ương ngạnh,
không vâng huấn lệnh của Ngài.
- 17 Họ không thềm nghe;
họ quên những phép lạ Ngài làm cho họ.
Họ đâm ra ương ngạnh,
chống nghịch Ngài,
và tự chọn cho mình một người lãnh đạo
để đem họ trở về ách nô lệ.
Nhưng Ngài là Thượng Đế hay tha thứ.
Đầy lòng từ ái.
Ngài chậm nóng giận, giàu tình yêu lớn.
Nên Ngài không lia bỏ họ.
- 18 Thậm chí các tổ tiên chúng tôi làm cho mình một tượng bò con.
Họ bảo, 'Ít-ra-en ơi, đây là thần
đã mang ngươi ra khỏi Ai-cập.'
Họ nói phạm đến Ngài.
- 19 Ngài giàu lòng từ ái,
nên không bỏ rơi họ trong sa mạc.
Ban ngày có trụ mây dẫn đường,
ban đêm có trụ lửa soi sáng lối đi.
- 20 Ngài ban Thánh Linh nhân từ Ngài dạy dỗ họ.
Ban ma-na cho họ ăn và nước uống khi họ khát.
- 21 Trong suốt bốn mươi năm Ngài săn sóc họ;
Họ không thiếu thốn gì hết.

- Áo quần họ không sờn,
Chân họ không sưng phù.
- 22 Ngài ban cho họ các vương quốc và các dân tộc;
và cấp thêm đất cho họ.
Họ chiếm xứ Si-hôn, vua của Hết-bôn
và xứ Óc, vua của Ba-san.
- 23 Ngài khiến cho con cháu họ đông như sao trên trời,
mang họ vào xứ mà Ngài bảo các tổ tiên họ
vào chiếm lấy.
- 24 Cho nên các con cháu họ vào chiếm lấy xứ.
Người Ca-na-an đang sống trong xứ,
nhưng Ngài đánh bại dân ấy.
Ngài trao người Ca-na-an vào tay họ,
các vua chúng, và toàn dân của xứ,
để tổ tiên chúng tôi có thể mặc tình
đối xử với chúng.
- 25 Họ chiếm các thành trì vững chắc có vách cao
và đất đai phì nhiêu.
Họ chiếm nhà cửa có đầy đủ mọi thứ,
giếng đã đào sẵn,
cùng vườn nho, cây ô liu, và các cây ăn trái.
Họ ăn uống cho đến khi no say và mập béo;
Họ tận hưởng ơn phước dồi dào của Ngài.
- 26 Nhưng họ bất tuân và chống nghịch Ngài,
không đếm xỉa đến lời giáo huấn Ngài.
Các tiên tri Ngài khuyên răn họ trở về cùng Ngài,
Nhưng họ giết các tiên tri và nói phạm cùng
Ngài.
- 27 Nên Ngài trao họ vào tay các kẻ thù,

- để chúng ngược đãi họ.
Nhưng trong cơn khốn khổ các tổ tiên chúng tôi
kêu khóc cùng CHÚA,
từ trời Ngài liền nghe.
CHÚA có lòng từ bi lớn
nên sai các người giải cứu đến giải phóng
họ
khỏi quyền lực kẻ thù.
- 28 Nhưng vừa khi họ được an tịnh,
họ lại làm ác.
Ngài liền trao họ cho kẻ thù thống trị họ.
Họ lại kêu khóc cùng Ngài,
từ trời Ngài nghe họ.
Vì lòng từ bi Ngài,
Ngài giải cứu họ nhiều lần.
- 29 Ngài khuyên răn họ trở về
với lời giáo huấn Ngài,
nhưng họ tự phụ,
không vâng theo huấn lệnh CHÚA,
là luật mà nếu ai vâng theo thì sẽ sống.
Nhưng họ quay lưng khỏi Ngài.
Họ ương ngạnh, bướng bỉnh, và không vâng lời.
- 30 Ngài kiên nhẫn với họ trong nhiều năm,
dùng Thánh Linh Ngài qua các nhà tiên tri
mà cảnh cáo họ,
nhưng họ chẳng thềm để ý.
Nên Ngài trao họ vào tay các quốc gia khác.
- 31 Nhưng do lòng từ bi lớn lao,
CHÚA không tuyệt diệt hay bỏ rơi họ.

Ngài là Thượng Đế nhân từ và bác ái.

³² Cho nên, Thượng Đế của chúng tôi ơi,

Ngài là Thượng Đế cao cả, quyền năng và kỳ diệu.

Ngài giữ giao ước của tình yêu.

Xin đừng làm ngơ trước những nỗi khốn khổ của chúng tôi.

Những nỗi khốn khổ này đến trên chúng tôi, trên vua và các nhà lãnh đạo của chúng tôi, trên các thầy tế lễ và các nhà tiên tri, Trên các tổ tiên và dân tộc Ngài từ đời các vua A-xy-ri cho đến hôm nay.

³³ Những gì xảy ra cho chúng tôi thật xứng đáng vì Ngài rất công bằng;

Ngài thành tín nhưng chúng tôi quá gian ác.

³⁴ Các vua, các nhà lãnh đạo, các thầy tế lễ, và các tổ tiên chúng tôi không nghe theo lời giáo huấn Ngài;

Họ không thèm để ý đến những huấn lệnh và lời cảnh cáo Ngài.

³⁵ Dù trong khi các tổ tiên chúng tôi đang sống trong xứ,

vui hưởng những ơn lành Ngài ban cho, tận hưởng đất đai phì nhiêu và khoáng khoáng, họ cũng vẫn cứ làm điều ác.

³⁶ Vì thế ngày nay chúng tôi bị làm tội mọi trong xứ Ngài ban cho tổ tiên chúng tôi.

Đáng lẽ họ vui hưởng hoa quả và phúc lành, Mà bây giờ chúng tôi phải làm nô lệ tại đây.

³⁷ Mùa màng tốt đẹp của xứ thuộc về các vua mà Ngài đặt lên thống trị chúng tôi,

vì tội lỗi chúng tôi.
 Các vua đó hống hách thống trị chúng tôi
 và gia súc chúng tôi,
 cho nên chúng tôi gặp khốn đốn.

Giao ước của dân chúng

³⁸ Vì những lý do đó, nay chúng tôi lập một giao ước viết ra chữ.
 Các vị lãnh đạo, các người Lê-vi, và các thầy tế lễ đóng ấn họ vào đó.”

10

¹ Sau đây là những người đã đóng ấn vào giao ước: Nê-hê-mi, quan tổng trấn, con của Ha-ca-lia, ² Xê-đê-kia, Sê-rai-gia, A-xa-ria, Giê-rê-mi, ³ Bát-sua, A-ma-ria, Manh-ki-gia, ⁴ Hát-túc, Sê-ba-nia, Ma-lúc, ⁵ Ha-rim, Mê-rê-mốt, Áp-điã, ⁶ Đa-niên, Ghi-nê-thôn, Ba-rúc, ⁷ Mê-su-lam, A-bi-gia, Mi-gia-min, ⁸ Ma-a-xia, Bình-gai, và Sê-mai-gia. Những người đó là thầy tế lễ.

⁹ Sau đây là những người Lê-vi đóng ấn trên giao ước: Giê-sua con của A-xa-nia, Bình-nui, một trong các con của Hê-na-đát, Cát-miên, ¹⁰ cùng những bạn Lê-vi khác: Sê-ba-nia, Hô-điã, Kê-li-ta, Bê-lai-gia, Ha-nan, ¹¹ Mai-ca, Rê-hốp, Ha-sa-bia, ¹² Xác-cua, Sê-rê-bia, Sê-ba-nia, ¹³ Hô-điã, Ba-ni, và Bê-ni-nu.

¹⁴ Sau đây là những người lãnh đạo của dân chúng đóng ấn vào giao ước: Ba-rốt, Ba-hát Mô-áp, Ê-lam, Giát-tu, Ba-ni, ¹⁵ Bu-ni, A-gát, Bê-bai, ¹⁶ A-đô-ni-gia, Bích-vai, A-đinh, ¹⁷ A-tơ, Hê-sê-kia, A-xua, ¹⁸ Hô-điã, Ha-sum, Bê-dai, ¹⁹ Ha-ríp,

A-na-thốt, Nê-bai, ²⁰ Mác-bi-át, Mê-su-lam, Hê-xia, ²¹ Mê-sê-xa-bên, Xa-đốc, Gia-đua, ²² Bê-la-tia, Ha-nan, A-nai-gia, ²³ Ô-sê, Ha-na-nia, Hát-súp, ²⁴ Ha-lô-hết, Binh-ha, Sô-béc, ²⁵ Rê-hum, Ha-sáp-na, Ma-a-sê-gia, ²⁶ A-hia, Ha-nan, A-nan, ²⁷ Ma-lúc, Ha-rim, và Ba-a-na.

²⁸ Những người còn lại trong dân chúng tuyên thệ. Đó là các thầy tế lễ, người Lê-vi, người gác cửa, ca sĩ, đầy tớ phục vụ trong đền thờ, cùng những người đã phân ly khỏi các người ngoại quốc để giữ lời Giáo Huấn của Thượng Đế, cùng vợ và con trai con gái là những người có thể hiểu được. ²⁹ Họ nhập với các đồng bào Ít-ra-en khác cùng các người lãnh đạo tham dự cuộc tuyên thệ. Lời tuyên thệ có một lời nguyện rửa kèm theo nếu họ vi phạm lời thề. Họ hứa tuân theo lời Giáo Huấn của Thượng Đế đã được truyền qua Mô-se, tôi tớ của Ngài, và vâng theo những huấn lệnh, qui tắc, và luật lệ của CHÚA là Thượng Đế chúng tôi.

³⁰ Họ tuyên bố:

“Chúng tôi hứa sẽ không để con gái chúng tôi kết hôn với người ngoại quốc, hay để con trai chúng tôi lấy con gái họ. ³¹ Những người ngoại quốc có thể mang hàng hóa và ngũ cốc bán trong ngày Sa-bát, nhưng chúng tôi sẽ không mua bán trong ngày đó hay bất cứ ngày lễ nào. Mỗi bảy năm* chúng tôi sẽ không trồng trọt gì và tha nợ cho những ai thiếu chúng tôi.

* **10:31:** Mỗi bảy năm Hay “năm thứ bảy.” Xem Xuất 23:10, 11.

³² Chúng tôi sẽ tôn trọng huấn lệnh về việc đóng góp vào đền thờ của Thượng Đế chúng tôi. Mỗi năm chúng tôi sẽ dâng một phần tám lượng[†] bạc. ³³ Tiền dâng đó để dành mua bánh trần thiết trên bàn; các của lễ chay và của lễ thiêu thường xuyên; các của lễ ngày Sa-bát, lễ Trăng Mới, và các lễ đặc biệt; các của lễ thánh; các của lễ chuộc tội cho dân Ít-ra-en; và cho công tác của đền thờ.

³⁴ Chúng tôi, thầy tế lễ, người Lê-vi, và toàn thể dân chúng, đã bắt thăm để biết gia đình nào trong năm phải cung cấp củi cho đền thờ. Củi để dùng trên bàn thờ của CHÚA là Thượng Đế chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện theo những luật lệ đã ghi.

³⁵ Mỗi năm chúng tôi cũng sẽ dâng cho đền thờ hoa quả đầu mùa và hoa quả đầu tiên của mỗi cây.

³⁶ Chúng tôi cũng sẽ dâng cho đền thờ con trai đầu lòng, súc vật đầu lòng của gia súc, theo như lời Giáo Huấn ghi. Chúng tôi cũng sẽ mang chúng đến cho các thầy tế lễ phục vụ trong đền thờ.

³⁷ Chúng tôi sẽ mang cho các thầy tế lễ giữ kho đền thờ ngũ cốc đầu tiên xay sẵn, của lễ, hoa quả của tất cả các cây chúng tôi cùng rượu mới và dầu. Chúng tôi cũng sẽ dâng một phần mười hoa quả chúng tôi cho người Lê-vi. Họ sẽ thu phần đó trong mọi thị trấn chúng tôi làm

[†] **10:32:** một phần tám lượng Đây có thể là đồng tiền lưu hành lúc bấy giờ tương đương với 11,50 gờ-ram.

việc. ³⁸ Một thầy tế lễ trong gia đình A-rôn phải có mặt với người Lê-vi khi họ nhận phần mười mùa màng từ dân chúng. Người Lê-vi phải đem một phần mười những của họ nhận vào đền thờ của Thượng Đế chúng tôi để chứa vào kho ngân khố. ³⁹ Dân Ít-ra-en và người Lê-vi phải mang vào kho chứa những lễ vật ngũ cốc, rượu mới và dầu. Kho đó chứa các vật dụng trong đền thờ và cũng là nơi các thầy tế lễ đang hành chức, những người gác cửa và các ca sĩ ở.

Chúng tôi sẽ không bỏ bê đền thờ của Thượng Đế chúng tôi.”

11

Những dân cư mới ở Giê-ru-sa-lem

¹ Các nhà lãnh đạo của Ít-ra-en sống trong Giê-ru-sa-lem nhưng dân chúng bắt thăm để mỗi mười người thì một người được vào ở trong Giê-ru-sa-lem là thành phố thánh. Chín người kia ở trong thị trấn mình. ² Dân chúng chúc phước cho những người tình nguyện vào ở Giê-ru-sa-lem.

³ Sau đây là những nhà lãnh đạo khu vực vào ở Giê-ru-sa-lem. Một số đã cư ngụ trên đất mình trong các thành thuộc xứ Giu-đa. Trong số đó có các người Ít-ra-en, các thầy tế lễ, người Lê-vi, những thầy tư phục vụ đền thờ, và con cháu của các thầy tư Sô-lô-môn. ⁴ Những người khác thuộc các gia đình Giu-đa và Bê-ni-min đã sống ở Giê-ru-sa-lem.

Sau đây là các con cháu Giu-đa vào ở Giê-ru-sa-lem. Có A-thai-gia, con U-xia. U-xia là con Xa-cha-ri, con A-ma-ria. A-ma-ria là con Sê-pha-tia, con Ma-ha-la-lên. Ma-ha-la-lên là con cháu của Phê-rê. ⁵ Cũng có Ma-sê-gia, con Ba-rúc. Ba-rúc là con Côn-Hô-xê, con Ha-xai-gia. Ha-xai-gia là con A-đai-gia, con Giô-gia-ríp. Giô-gia-ríp là con Xa-cha-ri, con cháu Sê-la. ⁶ Tổng số con cháu Phê-rê sống ở Giê-ru-sa-lem là 468 người. Tất cả đều là chiến sĩ.

⁷ Sau đây là con cháu Bên-gia-min dọn vào ở Giê-ru-sa-lem. Có Xa-lu, con của Mê-su-lam. Mê-su-lam là con Giô-ếch, con của Bê-đai-gia. Bê-đai-gia là con của Cô-lai-gia, con của Ma-a-sê-gia. Ma-a-sê-gia là con của Y-thiên, con của Giê-sai-gia. ⁸ Kế sau người có Gáp-bai và Xa-lai, tổng cộng 928 người. ⁹ Giô-ên, con của Xích-ri được chỉ định cai quản họ, còn Giu-đa con Hát-sê-nua được chỉ định phụ tá coi sóc vùng mới trong thành.

¹⁰ Sau đây là những thầy tế lễ dọn vào cư ngụ trong Giê-ru-sa-lem. Giê-đai-gia, con Giô-a-ríp, Gia-kin, ¹¹ và Xê-rai-gia, con Hinh-kia, người quản thủ đền thờ. Hinh-kia là con Mê-su-lam, con Xa-đốc. Xa-đốc là con Mê-rai-ốt, con A-hi-túp. ¹² Cũng có những người khác với họ là những người làm việc trong đền thờ. Tổng cộng 822 người. Có A-đai-gia, con Giê-rô-ham. Giê-rô-ham là con Bê-la-lia, con Am-xi. Am-xi là con Xa-cha-ri, con Bát-sua. Bát-sua là con Manh-ki-gia. ¹³ Cũng có các chủ gia đình cùng với ông. Tổng cộng 242 người. Ngoài ra còn có A-mát-

sai, con A-xa-rên. A-xa-rên là con A-xai, con Mê-si-lê-mốt. Mê-si-lê-mốt là con Im-mê. ¹⁴ Cũng có những dũng sĩ cùng với A-ma-sai. Cộng tất cả 128 người. Xáp-đi-ên con của Ha-ghê-đô-lim được cử giám thị họ.

¹⁵ Sau đây là những người Lê-vi dọn vào Giê-ru-sa-lem. Có Sê-mai-gia con Hát-súp. Hát-súp là con A-ri-cam, con của Ha-sa-bia. Ha-sa-bia là con của Bu-ni. ¹⁶ Rồi có Sa-bê-thai và Giô-xa-bát, hai lãnh tụ người Lê-vi chịu trách nhiệm coi sóc bên ngoài đền thờ. ¹⁷ Có Mát-tha-nia, con của Mai-ca. Mai-ca là con Xáp-đi, con của A-sáp. Ma-tha-nia là người hướng dẫn việc tạ ơn và cầu nguyện. Có Bác-bu-kia, người đứng hàng nhì chịu trách nhiệm giám thị người Lê-vi. Sau đó có Áp-đa, con Sam-mua. Sam-mua là con Galanh, con Giê-đu-thun. ¹⁸ Tổng cộng 284 người Lê-vi cư ngụ trong thành thánh Giê-ru-sa-lem.

¹⁹ Các người gác cửa dọn vào Giê-ru-sa-lem là Ác-cúp, Thanh-môn, và những người khác cùng với họ. Tổng cộng 172 người gác cổng thành.

²⁰ Còn những người Ít-ra-en, các thầy tế lễ, và người Lê-vi khác cư ngụ trên đất của họ rải rác trong các thị trấn xứ Giu-đa.

²¹ Những đầy tớ phục vụ trong đền thờ cư ngụ trên đồi Ô-phên, có Xi-ha và Ghit-ba giám thị họ.

²² U-xi, con Ba-ni được cử làm giám thị các người Lê-vi ở Giê-ru-sa-lem. Ba-ni là con Ha-sa-bia, con Mát-tha-nia. Mát-tha-nia là con Mai-ca. U-xi là một trong các con cháu A-sáp là những ca sĩ lo cho các buổi lễ trong đền thờ. ²³ Các ca sĩ

được đặt dưới lệnh của vua, lệnh này định việc cho họ từng ngày.

²⁴ Bê-tha-nia, con Mê-sê-xa-bên là phát ngôn viên của vua. Mê-sê-xa-bên là một trong những con cháu của Xê-ra, con Giu-đa.

²⁵ Một số người trong xứ Giu-đa sống trong các làng có ruộng nương bao bọc. Họ sống trong Ki-ri-át A-c-ba và vùng phụ cận, Đì-bôn và vùng phụ cận, Giê-cáp-xi-ên và vùng phụ cận, ²⁶ ở Giê-sua, Mô-la-đa, Bết-Bê-lết, ²⁷ Ha-xa Su-anh, Bê-e-sê-ba và vùng phụ cận, ²⁸ ở Xiếc-lác và Mê-cô-na và vùng phụ cận, ²⁹ ở Ên-Rim-môn, Xô-ra, Giạt-mút, ³⁰ Xa-noa, A-đu-lam và các làng mạc, ở La-kích và các đồng ruộng quanh đó, ở A-xê-ka và vùng phụ cận. Như thế họ định cư từ Bê-e-sê-ba chạy đến Thung lũng Hin-nôm.

³¹ Các con cháu của Bê-n-gia-min từ Ghê-ba sống ở Mích-mát, Ai-gia, Bê-tên và vùng phụ cận, ³² ở A-na-tốt, Nóp, A-na-nia, ³³ Hát-xo, Ra-ma, Ghít-ta-im, ³⁴ Ha-đích, Xê-bô-im, Nê-ba-lát, ³⁵ Lót, Ô-nô, và trong Thung lũng của các Thợ thủ công.

³⁶ Một vài nhóm người Lê-vi thuộc xứ Giu-đa định cư trong đất của chi tộc Bê-n-gia-min.

12

Các thầy tế lễ và người Lê-vi

¹ Sau đây là các thầy tế lễ và người Lê-vi hồi hương chung với Xê-ru-ba-bên, con Sê-anh-tiên và với Giê-sua. Có Sê-rai-gia, Giê-rê-mi, E-xơ-ra,

² A-ma-ria, Ma-lúc, Hát-túc, ³ Sê-ca-nia, Rê-hum,

Mê-rê-mốt, ⁴ Y-đô, Ghi-nê-hôn, A-bi-gia, ⁵ Mi-gia-min, Mô-a-đi-a, Binh-ga, ⁶ Sê-mai-gia, Giô-a-ríp, Giê-đai-gia, ⁷ Sa-lu, A-mốc, Hinh-kia, và Giê-đai-gia. Đó là những lãnh tụ của các thầy tế lễ và thân nhân họ trong thời Giê-sua.

⁸ Các người Lê-vi gồm có Giê-sua, Bin-nui, Cát-miên, Sê-rê-bai-gia, Giu-đa, và Ma-tha-nia. Ma-tha-nia và các thân nhân ông chịu trách nhiệm ca nhạc tạ ơn. ⁹ Bác-bu-kia và U-ni và thân nhân đứng đối diện nhau trong các buổi lễ.

¹⁰ Giê-sua sinh Giô-gia-kim. Giô-gia-kim sinh Ê-li-a-síp. Ê-li-a-síp sinh Giô-gia-đa. ¹¹ Giô-gia-đa sinh Giô-na-than, Giô-na-than sinh Giát-đua.

¹² Trong thời Giô-gia-kim các thầy tế lễ sau đây làm trưởng gia đình của các thầy tế lễ: Mê-rai-gia thuộc gia đình Sê-rai-gia; Ha-na-nia, thuộc gia đình Giê-rê-mi; ¹³ Mê-su-lam, thuộc gia đình E-xơ-ra; Giê-hô-ha-nan thuộc gia đình A-ma-ria; ¹⁴ Giô-na-than thuộc gia đình Ma-lúc; Giô-xép thuộc gia đình Sê-ca-nia. ¹⁵ Ách-na thuộc gia đình Ha-rim; Hên-cai thuộc gia đình Mê-rê-mốt; ¹⁶ Xa-cha-ri thuộc gia đình Y-đô; Mê-su-lam thuộc gia đình Ghin-nê-thôn; ¹⁷ Xích-ri thuộc gia đình A-bi-gia; Binh-tai thuộc gia đình Mi-nia-min và gia đình Mô-a-đi-a; ¹⁸ Sam-mua thuộc gia đình Binh-ga, Giê-hô-na-than thuộc gia đình Sê-mai-gia; ¹⁹ Mát-tê-nai thuộc gia đình Giô-ia-ríp; U-xi thuộc gia đình Giê-đai-gia; ²⁰ Ca-lai thuộc gia đình Xa-lu; Ê-be thuộc gia đình A-mốc; ²¹ Ha-sa-bia thuộc gia đình Hinh-kia; và Nê-tha-nên thuộc gia đình Giê-đai-gia.

²² Các trưởng gia đình người Lê-vi và các thầy tế lễ được ghi chép trong thời Ê-li-a-síp, Giô-gia-đa, Giô-ha-nan, và Gia-đua, khi Đa-ri-út người Ba-tư làm vua. ²³ Các trưởng gia đình giữa vòng người Lê-vi được ghi trong sách sử ký, nhưng chỉ ghi đến đời Giô-ha-nan, con của Ê-li-a-síp mà thôi. ²⁴ Các lãnh tụ người Lê-vi là Ha-sa-bia, Sê-rê-bia, Giê-sua con Cát-miên và các thân nhân họ. Các thân nhân họ đứng đối diện họ và ca hát cảm tạ Thượng Đế. Hai nhóm đối đáp nhau theo như Đa-vít, người của Thượng Đế đã qui định.

²⁵ Sau đây là những người gác cửa giữ kho vật liệu kế cận các cổng: Mát-ta-nia, Bác-bu-kia, Áp-đia, Mê-su-lam, Thanh-môn, và Ác-cúp. ²⁶ Họ phục vụ trong thời Giô-gia-kim con Giê-sua, con Giô-xa-đác. Họ cũng phục vụ trong thời Nê-hê-mi làm quan tổng trấn và Ê-xơ-ra, thầy tế lễ và chuyên gia luật.

Lễ khánh thành vách thành Giê-ru-sa-lem

²⁷ Khi vách thành Giê-ru-sa-lem được dâng lên cho Thượng Đế thì người ta yêu cầu người Lê-vi cư ngụ bất cứ đâu tề tựu về Giê-ru-sa-lem để hoan hỉ kỷ niệm lễ cung hiến vách thành. Họ kỷ niệm bằng các bài ca cảm tạ, dùng các nhạc cụ như chập chỏa, đờn cầm, và đờn sắt. ²⁸ Người ta cũng mang các ca sĩ từ khắp nơi quanh Giê-ru-sa-lem về, từ các làng Nê-tô-pha-thít, ²⁹ từ Bết Ghinh-ganh, và từ các vùng Ghê-ba và A-c-ma-vết. Các ca sĩ đã xây dựng làng mạc riêng

cho họ quanh Giê-ru-sa-lem. ³⁰ Các thầy tế lễ và người Lê-vi tắm rửa sạch sẽ, họ cũng chuẩn bị cho dân chúng, cổng thành, và vách thành Giê-ru-sa-lem tinh sạch.

³¹ Tôi bảo các lãnh tụ của Giu-đa lên trên đỉnh vách, rồi tôi chỉ định hai ban hợp ca lớn hát tạ ơn. Một ban lên đứng trên đỉnh vách hướng về phía Cổng Rác. ³² Đi sau họ có Hô-sai-gia và phân nửa các lãnh tụ Giu-đa. ³³ Cũng có A-xa-ria, Ê-xơ-ra, Mê-su-lam, ³⁴ Giu-đa, Bên-gia-min, Sê-mai-gia, và Giê-rê-mi cùng đi. ³⁵ Một số các thầy tế lễ thổi kèn cùng đi với Xa-cha-ri, con Giô-na-than. (Giô-na-than là con Sê-mai-gia, con Ma-tha-nia. Ma-tha-nia là con Mi-cai-gia, con Xa-cua. Xa-cua là con A-sáp.) ³⁶ Các thân nhân Xa-cha-ri cũng đi chung. Những người đó là Sê-mai-gia, A-xa-rên, Mi-la-lai, Ghi-la-lai, Ma-ai, Nê-tha-nên, Giu-đa, và Ha-na-ni. Họ chơi các nhạc khí của Đa-vít, người của Thượng Đế, có giáo sư Ê-xơ-ra đi trước họ. ³⁷ Họ đi từ Cổng Suối Nước thẳng các bậc thềm lên điểm cao nhất của vách qua khu vực cũ của thành Đa-vít. Rồi họ đi phía trên nhà Đa-vít cho đến Cổng Nước về hướng đông.

³⁸ Ban hát thứ nhì đi về phía trái trong khi tôi đi theo họ lên đỉnh vách thành với phân nửa số dân chúng. Chúng tôi đi từ Tháp Lò cho đến Vách Rộng, ³⁹ qua Cổng Ép-ra-im cho đến Cổng Xưa và Cổng Cá, về phía Tháp Ha-na-nên và Tháp Một Trăm. Chúng tôi đi đến Cổng Chiên và dừng lại tại Cổng Góc.

⁴⁰ Rồi hai ban hát bước vào chỗ trong đền thờ.

Phân nửa các lãnh tụ và tôi cũng vậy. ⁴¹ Những thầy tế lễ sau đây cầm kèn: Ê-li-a-kim, Ma-a-sê-gia, Mi-ni-a-min, Mi-cai-gia, Ê-li-ô-ê-nai, Xa-cha-ri, và Ha-na-nia. ⁴² Những người sau đây cũng có mặt tại đó: Ma-a-sê-gia, Sê-mai-gia, Ê-lê-a-sa, U-xi, Giê-hô-ha-nan, Manh-ki-gia, Ê-lam, và Ê-xe.

Ban hợp ca hát lên dưới sự hướng dẫn của Giê-ra-hia. ⁴³ Dân chúng dâng rất nhiều của lễ hôm đó. Mọi người đều hân hoan vì Thượng Đế ban cho họ niềm vui lớn. Đàn bà trẻ con cũng hớn hở. Tiếng reo vui ở Giê-ru-sa-lem vang ra rất xa.

⁴⁴ Lúc đó các lãnh tụ đề cử người lo cho kho chứa. Các kho này dùng chứa các lễ vật, cây trái đầu mùa, và mười phần trăm phẩm vật dân chúng mang đến. Sách Giáo Huấn dạy rằng họ phải mang phần của các thầy tế lễ và người Lê-vi từ đồng ruộng quanh các thị trấn. Dân Giu-đa rất vui làm việc đó cho các thầy tế lễ và người Lê-vi là những người phục vụ. ⁴⁵ Họ thi hành nhiệm vụ Thượng Đế giao cho để biến mọi vật thánh sạch. Các ca sĩ và người gác cổng cũng làm phận sự họ theo như Đa-vít đã truyền dạy con mình là Sô-lô-môn. ⁴⁶ Trước đó trong thời Đa-vít và A-sáp, có trưởng ban nhạc chịu trách nhiệm các ca sĩ và các bài hát chúc tụng và tạ ơn Thượng Đế. ⁴⁷ Trong thời Xê-ru-ba-bên và Nê-hê-mi cũng vậy. Toàn thể dân Ít-ra-en biểu các ca sĩ và các người gác cổng những tặng vật đồng thời dành phần riêng cho người Lê-vi. Rồi

người Lê-vi dành phần riêng cho con cháu A-rôn.

13

Các người ngoại quốc bị trục xuất

¹ Trong ngày đó họ đọc Sách Mô-se cho dân chúng nghe. Người ta thấy trong đó có ghi rằng đòi đòi không một người Am-môn hay Mô-áp nào được phép gia nhập vào cộng đồng của Thượng Đế. ² Vì người Am-môn và Mô-áp không đem thức ăn và nước uống chào đón dân Ít-ra-en. Ngược lại, họ thuê Ba-la-am nguyên rủa dân Ít-ra-en. (Nhưng Thượng Đế chúng tôi đã biến lời nguyên rủa ra phúc lành.) ³ Khi dân chúng nghe điều dạy bảo này thì họ phân rẽ những người ngoại quốc ra khỏi Ít-ra-en.

Nê-hê-mi trở lại Giê-ru-sa-lem

⁴ Trước đó, thầy tế lễ Ê-li-a-síp, người quản lý kho chứa rất thân thiện với Tô-bia. ⁵ Ê-li-a-síp cho phép Tô-bia sử dụng một trong các kho lớn. Trước kia kho đó dùng chứa của lễ chay, trầm hương, dụng cụ, một phần mười của lễ chay, rượu mới, và dầu ô liu của người Lê-vi, các ca sĩ, và những người gác cổng. Kho đó cũng được dùng để chứa các tặng phẩm của các thầy tế lễ.

⁶ Trong khi chuyện đó xảy ra thì tôi không có mặt tại Giê-ru-sa-lem. Tôi trở về gặp vua Ba-by-lôn vào năm thứ ba mươi hai* triều vua ấy. Sau cùng tôi xin phép vua cho tôi ra đi. ⁷ Khi trở

* **13:6:** năm thứ ba mươi hai Tức khoảng năm 432 trước Công nguyên.

lại Giê-ru-sa-lem, tôi hay biết chuyện quấy Ê-li-a-síp làm tức là cho phép Tô-bia sử dụng một phòng trong sân đền thờ. ⁸ Tôi rất bực mình về chuyện đó nên quăng đồ đạc của Tô-bia ra khỏi phòng. ⁹ Tôi ra lệnh dọn sạch phòng đó rồi mang các dụng cụ dành cho đền thờ Thượng Đế, của lễ chay, và trầm hương vào.

¹⁰ Rồi tôi cũng khám phá rằng dân chúng không cấp cho người Lê-vi phần của họ. Cho nên một số người Lê-vi và các ca sĩ phục vụ trong đền thờ bỏ về với ruộng nương mình. ¹¹ Tôi khiển trách các viên chức. Tôi hỏi, “Tại sao các anh không lo cho đền thờ?” Tôi liền triệu tập người Lê-vi và các ca sĩ lại, đặt họ vào các vai trò cũ.

¹² Sau đó tất cả dân chúng trong Giu-đa mang vào kho một phần mười các mùa màng, rượu mới, và dầu ô liu của họ.

¹³ Tôi đặt những người sau đây lo cho kho chứa: Sê-lê-mai-gia, thầy tế lễ, Xa-đốc, chuyên gia luật, và Bê-đai-gia, người Lê-vi. Tôi chỉ định Ha-nan, con Xa-cua, con Ma-ta-nia, phụ giúp họ. Ai cũng biết những người này rất thanh liêm. Họ phân phát phần dành cho các thân nhân họ.

¹⁴ Thượng Đế ơi, xin nhớ đến tôi về điều này. Đừng quên lòng yêu mến của tôi cho đền thờ Ngài và các dịch vụ cho đền thờ.

¹⁵ Trong lúc đó tôi thấy mấy người Giu-đa làm việc nơi bàn ép rượu trong ngày Sa-bát. Họ mang lúa thóc và chất lên lưng lừa. Họ cũng mang rượu, nho, trái vả vào thành Giê-ru-sa-lem trong ngày Sa-bát. Tôi liền cảnh cáo họ về

việc buôn bán thực phẩm trong ngày đó. ¹⁶ Dân cư từ thành Tia đang cư ngụ tại Giê-ru-sa-lem cũng mang cá và những hàng hóa khác buôn bán với người Giu-đa trong ngày Sa-bát. ¹⁷ Tôi khiển trách những người có uy tín trong Giu-đa. Tôi hỏi, “Chuyện ác mấy anh đang làm đây nghĩa là gì? Mấy anh xem ngày Sa-bát cũng như các ngày khác. ¹⁸ Đó chính là điều tổ tiên các anh đã làm cho nên Thượng Đế trừng phạt chúng ta và thành phố này. Bây giờ mấy anh lại khiến Ngài nổi giận với dân Ít-ra-en thêm bằng cách làm như nhớp ngày Sa-bát.”

¹⁹ Tôi liền ra lệnh đóng các cửa thành từ buổi chiều trước ngày Sa-bát và chỉ mở sau ngày Sa-bát mà thôi. Tôi đặt các dây tơ tôi canh các cổng để không ai mang hàng hóa vào thành trong ngày Sa-bát. ²⁰ Một vài lần các con buôn hàng hóa phải ngủ đêm ngoài thành Giê-ru-sa-lem. ²¹ Tôi liền cảnh cáo chúng, “Sao mấy anh ngủ đêm bên vách thành? Nếu mấy anh còn làm nữa tôi sẽ tống cổ mấy anh đi đó.” Từ đó về sau chúng không còn trở lại trong ngày Sa-bát nữa. ²² Rồi tôi ra lệnh cho người Lê-vi dọn mình cho sạch và canh gác cổng thành để giữ cho ngày Sa-bát được thánh.

Lạy Thượng Đế, xin nhớ đến tôi về điều này. Xin hãy tỏ lòng nhân ái đối với tôi vì tình yêu lớn lao của Ngài.

²³ Trong thời gian đó tôi thấy mấy người Giu-đa lấy các phụ nữ Ách-đốt, Am-môn, và Mô-áp làm vợ. ²⁴ Phân nửa con cái họ nói tiếng Ách-đốt

hay vùng nào đó, chúng không biết nói tiếng Giu-đa. ²⁵ Tôi trách móc, sỉ vả họ, đánh đập mấy người, giật tóc họ. Tôi bắt họ phải hứa với Thượng Đế rằng, “Không được gả con gái cho người ngoại quốc, cũng không cưới con gái người ngoại quốc cho con trai mình. ²⁶ Chính các phụ nữ ngoại quốc đã khiến vua Sô-lô-môn của Ít-ra-en phạm tội. Trong các dân không có vua nào như người. Thượng Đế yêu mến Sô-lô-môn và đặt người làm vua trên cả Ít-ra-en nhưng các phụ nữ ngoại quốc xúi người phạm tội. ²⁷ Mà bây giờ các anh bất tuân bằng cách làm điều ác này. Cưới vợ ngoại quốc là bất trung với Thượng Đế.”

²⁸ Giô-gia-đa con Ê-li-a-síp là thầy tế lễ cả. Một trong các con trai Giô-gia-đa lấy con gái San-ba-lát, người Hô-rôn, làm vợ cho nên tôi đuổi nó đi khỏi mặt tôi.

²⁹ Thượng Đế ơi, xin nhớ đến chúng nó là kẻ làm dơ bẩn chức tế lễ cùng khiến cho giao ước của thầy tế lễ và người Lê-vi ô dơ. ³⁰ Cho nên tôi dọn sạch khỏi họ những gì có tính cách ngoại quốc. Tôi chỉ định nhiệm vụ cho thầy tế lễ và người Lê-vi, giao việc cho từng người. ³¹ Tôi cũng sắp xếp để người ta mang củi vào bàn thờ đều đặn và hoa quả đầu mùa cũng được mang vào đúng hạn.

Thượng Đế ơi, xin nhớ đến tôi; tỏ lòng nhân từ Ngài cùng tôi.

Thánh Kinh Bản Phổ thông
Easy Reading Version of the Holy Bible in Vietnamese
Verson de lecture facile de la Sainte Bible en
vietnamien

copyright © 2002, 2011 World Bible Translation Center

Language: Việt (Vietnamese)

Translation by: World Bible Translation Center

Thánh Kinh: Bản Phổ thông™ Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới giữ bản quyền © 2011 Giữ bản quyền Phép trích dùng Văn kiện mang tác quyền này có thể được trích dùng đến 1.000 câu mà không cần xin phép. Tuy nhiên phần trích không được gồm nguyên một sách hay quá 50% của phần văn kiện được trích. Khi trích dùng xin nhớ ghi câu sau đây nơi tựa hay trang dành cho tác quyền: Thánh Kinh: Bản Phổ thông™ Do Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới giữ bản quyền © 2011 sử dụng do phép của Cơ Quan nói trên. Khi trích Bản Phổ thông vào các mục đích không có tính cách thương mại như chương trình trong nhà thờ, bích chương, bản phim để chiếu lên màn ảnh hay các phương tiện tương tự thì không cần phải ghi toàn thể phần ghi chú tác quyền nhưng phải ghi chữ tắt (BPT) ở cuối mỗi câu trích. Nếu các câu trích hay các trang in lại nhiều hơn 1.000 câu hay hơn 50% của sách được trích, hoặc nếu cần xin phép khác phải liên lạc với Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới để được chấp thuận bằng văn thư chính thức của Cơ Quan. Địa chỉ Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới P.O. Box 820648, Fort Worth, Texas 76182 Điện thư: bibles@wbtc.org Mạng lưới: www.wbtc.org Truy cập miễn phí Truy cập miễn phí các bản Thánh Kinh và Tân Ước của Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế giới qua: www.wbtc.org

2013-10-29

PDF generated using Haiola and XeLaTeX on 22 Feb 2024 from source files dated 31 Aug 2023

b183ddf1-d374-57ee-a27b-1546141bc5ab